

Số: TVHN-244/AGIA

An Giang, ngày 01 tháng 9 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp ngày 31/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 20-60cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 35-100cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 31/8 ở xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-55cm; thấp hơn cùng kỳ năm TBNN từ 10-55cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm, mực nước cao nhất ngày 31/8 ở mức xấp xỉ và cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 05-50cm; mực nước thấp nhất hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-85cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 31/8 ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên dần trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên theo triều biển Đông trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên dần theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 02/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 31/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			01/9	02/9	03/9	04/9	05/9	01/9	02/9	03/9	04/9	05/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	209	61	-97	237	23	-85	236	240	248	258	264	213	218	223	228	233
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	128	54	-43	189	5	-27	186	189	197	207	215	133	138	143	148	153
Hậu	Khánh An	420	470	520	340	45	-42	347	39	-34	350	353	359	367	373	341	344	349	354	359
	Châu Đốc	300	350	400	172	43	-82	209	-1	-66	207	211	219	229	235	179	184	189	194	199
	Long Xuyên	190	220	250	92	46	-14	174	-9	-10	171	174	182	192	200	98	103	108	113	118
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	135	48	-57	190	6	-41	187	190	198	208	216	140	145	150	155	160
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	154	52	-80	155	47	-84	156	158	160	162	165	154	156	158	160	162
	Vinh Gia	200	240	280	72	19	-43	79	17	-48	78	79	81	83	84	71	73	75	77	79
	Vinh Điều	170	200	230	66	18	-8	74	14	-10	73	74	76	78	79	64	65	67	69	71
T3	Vinh Phú	150	180	210	66	8	-8	73	6	-6	72	73	75	77	78	65	66	68	70	72
T5	Nông Trường	160	190	220	75	12	-8	78	6	-9	77	78	80	82	83	73	74	76	78	79
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	107	33	-37	112	22	-37	112	113	115	117	120	106	107	109	111	114
	Cô Tô	140	180	220	108	23	-3	113	17	-1	112	113	115	117	118	107	108	110	112	114
	Nam Thái Sơn	90	120	150	77	13	-	80	7	-	79	82	84	86	87	75	76	77	78	79
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	72	15	-42	77	14	-44	76	79	82	85	86	70	72	74	76	78
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	120	26	7	128	19	9	126	127	129	131	134	118	118	120	122	125
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	148	42	-21	166	21	-16	164	165	167	169	172	146	146	148	150	153
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	105	27	-19	120	15	-12	118	119	121	123	126	103	103	105	107	110
	Tân Thành	120	150	180	88	20	9	97	13	8	95	96	97	99	101	87	89	91	93	95
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	68	17	11	78	13	12	77	78	79	81	83	67	69	71	73	75
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	6	15	12	48	3	4	47	48	49	51	53	5	6	8	8	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-17	-1	3	47	-11	0	49	52	57	65	71	-16	-18	-22	-30	-36

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





